

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Tháng 3 năm 2015



CNT161A011 L2695-90001

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Văn Tạo	Ủy viên
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2015)
Ông Nguyễn Duy Thân	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

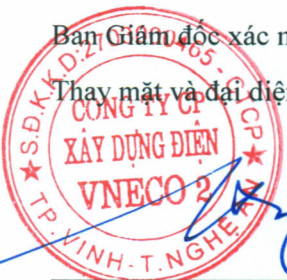
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đậu Thảo

Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 03.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03 tháng 03 năm 2016 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 03 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.492.930.491	36.798.571.031
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.922.603.016	940.523.665
1. Tiền	111	V.1	1.922.603.016	940.523.665
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.735.698.400	4.027.042.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.314.987.460	4.991.940.460
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(579.289.060)	(964.898.460)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.448.757.384	27.996.138.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	44.308.668.883	23.613.609.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.435.683	1.362.673.778
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.064.055.535	3.828.884.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(993.126.447)	(993.126.447)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		45.723.730	184.097.063
IV. Hàng tồn kho	140		5.266.458.749	3.834.866.667
1. Hàng tồn kho	141	V.3	5.266.458.749	3.834.866.667
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		119.412.942	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	19.806.942	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	99.606.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.530.393.733	4.286.117.707
I. Tài sản cố định	220		6.122.873.716	3.955.632.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.170.873.716	1.003.632.453
- Nguyên giá	222		13.360.007.994	10.946.229.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.189.134.278)	(9.942.597.359)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.952.000.000	2.952.000.000
- Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		286.154.257	132.157.700
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	286.154.257	132.157.700
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000	30.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		91.365.760	168.327.554
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	91.365.760	168.327.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		67.023.324.224	41.084.688.738

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.483.554.928	16.089.170.858
I. Nợ ngắn hạn	310		39.454.674.928	15.360.290.858
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	15.593.170.226	693.103.859
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		586.840.648	470.400.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.975.691.677	1.953.304.861
4. Phải trả người lao động	314		3.407.623.223	1.229.826.051
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.096.516.976	241.679.267
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.440.488.838	3.074.393.876
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	13.318.917.553	7.612.176.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.425.787	85.405.787
II. Nợ dài hạn	330		28.880.000	728.880.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	-	700.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		28.880.000	28.880.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.539.769.296	24.995.517.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	27.539.769.296	24.995.517.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		684.906.291	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.741.420.955	3.197.169.539
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.049.539	173.443.114
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.691.371.416	3.023.726.425
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		67.023.324.224	41.084.688.738



Nguyễn Đạ Thảo
Giám đốc
Ngày 03 tháng 03 năm 2016

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Khánh
Người lập

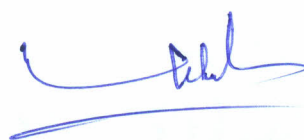
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	84.008.061.671	31.575.509.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		84.008.061.671	31.575.509.297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71.688.156.571	25.441.637.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.319.905.100	6.133.871.347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	267.200.220	300.627.984
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	604.044.568	(996.832.774)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		989.653.968	1.229.272.814
8. Chi phí bán hàng	25		1.690.000	8.406.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.883.599.621	3.516.403.162
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.097.771.131	3.906.522.743
11. Thu nhập khác	31		200.229.795	1.000.518.344
12. Chi phí khác	32		75.409.367	932.597.777
13. Lợi nhuận khác	40		124.820.428	67.920.567
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.222.591.559	3.974.443.310
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.531.220.143	950.716.885
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.691.371.416	3.023.726.425
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	2.713	1.441



Hoàng Đình Khánh
Người lập biểu
Ngày 03 tháng 03 năm 2016



Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Đậu Thảo
Giám đốc

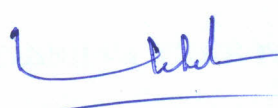
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	69.290.866.221	49.810.471.371
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(54.580.473.276)	(25.170.699.252)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.538.396.273)	(5.332.793.653)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(989.771.040)	(1.240.561.376)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.241.688.905)	(1.368.363.902)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.184.041.058	3.705.196.387
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.996.312.707)	(4.774.151.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.128.265.078	15.629.097.963
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.949.960.000)	(65.000.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(323.047.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	267.200.220	300.627.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.005.806.780)	235.627.984
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	58.501.310.591	20.334.724.856
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(53.494.569.538)	(32.181.231.826)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.147.120.000)	(3.446.814.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.859.621.053	(15.293.321.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	982.079.351	571.404.082
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	940.523.665	369.119.583
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.922.603.016	940.523.665



Hoàng Đình Khánh
Người lập biểu
Ngày 03 tháng 03 năm 2016



Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Đạu Thảo
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xi nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900559112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 06 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 21.588.800.000 đồng (Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng), tổng số cổ phần là 2.158.880 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic);
- Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 65 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 68 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	814.222	44.079.864
Tiền gửi ngân hàng	1.921.788.794	896.443.801
Cộng	1.922.603.016	940.523.665

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu,
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	197.310	2.767.118.460	2.209.872.000	557.246.460	152.100	2.467.118.460	1.505.790.000	961.328.460
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Điện VNECO 9	3.587	47.869.000	25.826.400	22.042.600	1.161	24.822.000	21.252.000	3.570.000
Công ty Cổ phần Sông Ba	262.500	2.500.000.000	2.625.000.000	-	262.500	2.500.000.000	2.887.500.000	-
Cộng		5.314.987.460	4.860.698.400	579.289.060		4.991.940.460	4.414.542.000	964.898.460

3. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	150.782.358	-	1.288.045.899	-
Công cụ, dụng cụ	21.000.000	-	52.483.006	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.170.728.169	-	1.475.920.391	-
Thành phẩm	923.948.222	-	1.018.417.371	-
Cộng	5.266.458.749	-	3.834.866.667	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	41.251.751.268	18.854.870.154
Công ty Điện lực Nghệ An	-	2.647.340.824
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.056.917.615	2.111.398.460
Cộng	<u>44.308.668.883</u>	<u>23.613.609.438</u>
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	41.251.751.268	18.854.870.154
Cộng	<u>41.251.751.268</u>	<u>18.854.870.154</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tạm ứng xây lắp nội bộ	3.933.113.233	3.654.928.867
Ký cược, ký quỹ	456.000.000	-
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	674.942.302	173.956.000
Cộng	<u>5.064.055.535</u>	<u>3.828.884.867</u>

6. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí văn phòng chờ phân bổ	19.806.942	-
Cộng	<u>19.806.942</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	91.365.760	168.327.554
Cộng	<u>91.365.760</u>	<u>168.327.554</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	3.641.928.654	6.464.057.128	805.244.030	35.000.000	10.946.229.812
Mua trong năm	-	-	2.413.778.182	-	2.413.778.182
Tại ngày 31/12/2015	3.641.928.654	6.464.057.128	3.219.022.212	35.000.000	13.360.007.994
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	2.693.546.201	6.408.807.128	805.244.030	35.000.000	9.942.597.359
Khấu hao trong năm	52.503.554	13.000.000	181.033.365	-	246.536.919
Tại ngày 31/12/2015	2.746.049.755	6.421.807.128	986.277.395	35.000.000	10.189.134.278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	948.382.453	55.250.000	-	-	1.003.632.453
Tại ngày 31/12/2015	895.878.899	42.250.000	2.232.744.817	-	3.170.873.716

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã hết khấu hao nhưng doanh nghiệp còn sử dụng là 805.244.030 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã hết khấu hao chờ thanh lý là 8.325.895.221 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 2.232.744.817 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m² tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Theo Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và vợ là bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09 tháng 7 năm 2010, ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê thừa đất này cho Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn ủy quyền là 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nhà bảo vệ	8.382.831	8.382.831
Nhà phụ công ty	55.835.695	55.835.695
Sửa chữa văn phòng công ty	221.935.731	67.939.174
Cộng	286.154.257	132.157.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Xây lắp Điện Vnecol	11.070.935.638	11.070.935.638	-	-
- Công ty CP Thương mại và Xây lắp CN An Hưng	1.373.855.412	1.373.855.412	173.610.503	173.610.503
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.148.379.176	3.148.379.176	519.493.356	519.493.356
Cộng	15.593.170.226	15.593.170.226	693.103.859	693.103.859

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Tiền thuê đất	99.606.000	10.245.821	109.851.821	-
Cộng	99.606.000	10.245.821	109.851.821	-
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.158.785.137	2.638.866.768	1.320.742.645	840.661.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	816.906.540	1.531.220.144	1.241.688.905	527.375.301
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	100.939.717	100.939.717	-
Thuế khác	-	11.760.006	597.028.552	585.268.546
Cộng	2.975.691.677	4.285.786.635	3.263.399.819	1.953.304.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	1.083.932.452	228.977.671
Trích trước chi phí lãi vay	12.584.524	12.701.596
Cộng	1.096.516.976	241.679.267

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.419.726	4.419.726
Kinh phí công đoàn	37.300.634	30.201.136
Bảo hiểm xã hội	39.152.661	861.577
Bảo hiểm y tế	730.793	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.955.080	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.354.929.944	3.038.911.437
Cộng	2.440.488.838	3.074.393.876

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh	13.318.917.553	13.318.917.553	57.501.310.591	51.794.569.538	7.612.176.500	7.612.176.500
Tổng	13.318.917.553	13.318.917.553	57.501.310.591	51.794.569.538	7.612.176.500	7.612.176.500

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần số 09/HĐTD15/VIN - KHBL ngày 01 tháng 10 năm 2015 với tổng giá trị tối đa là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay của các hợp đồng là 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể và thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thực hiện các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp là phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 165/HĐTD15/VN - KHBL ngày 03 tháng 12 năm 2015 với tổng giá trị tối đa là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay của các hợp đồng là 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể và thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thực hiện các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp là phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09 - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh	-	-	1.000.000.000	1.700.000.000	700.000.000	700.000.000
Cộng	-	-	1.000.000.000	1.700.000.000	700.000.000	700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước	21.588.800.000	(475.357.950)	6.626.765	360.027.124	4.058.431.516	25.538.527.455
Áp dụng chính sách kế toán mới						-
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày lại	21.588.800.000	(475.357.950)	-	366.653.889	4.058.431.516	25.538.527.455
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3.023.726.425	3.023.726.425
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	318.252.402	(318.252.402)	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	(3.566.736.000)	(3.566.736.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	21.588.800.000	(475.357.950)	-	684.906.291	3.197.169.539	24.995.517.880
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.691.371.416	5.691.371.416
Trả cổ tức	-	-	-	-	(3.147.120.000)	(3.147.120.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	21.588.800.000	(475.357.950)	-	684.906.291	5.741.420.955	27.539.769.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.158.880	2.158.880
+ Cổ phần thường	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần được mua lại	60.800	60.800
+ Cổ phần thường	60.800	60.800
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
+ Cổ phần thường	2.098.080	2.098.080

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng và bộ phận bán hàng hóa, thành phẩm gạch. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận bán hàng hóa, thành phẩm gạch chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	83.220.415.720	30.899.903.716
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	787.645.951	675.605.581
Cộng	84.008.061.671	31.575.509.297

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	70.961.738.416	24.493.174.650
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	726.418.155	948.463.300
Cộng	71.688.156.571	25.441.637.950

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.700.220	7.011.384
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.500.000	293.616.600
Cộng	267.200.220	300.627.984

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	989.653.968	1.229.272.814
Thu lãi vay các thầu phụ	-	(1.094.262.389)
Giảm phí bảo lãnh chuyển cho đơn vị khác	-	(153.712.599)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(385.609.400)	(978.130.600)
Cộng	604.044.568	(996.832.774)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương, bảo hiểm	3.066.855.177	1.858.588.960
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.816.744.444	1.657.814.202
Cộng	4.883.599.621	3.516.403.162

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.531.220.143	950.716.885
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.531.220.143	950.716.885

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.691.371.416	3.023.726.425
kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.691.371.416	3.023.726.425
trong năm	2.098.080	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.713	1.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.543.852.357	3.659.009.187
Chi phí nhân công	11.397.177.876	10.173.994.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.536.919	79.752.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.184.008.199	14.549.629.175
Chi phí khác bằng tiền	4.467.393.612	504.061.289
Cộng	46.838.968.963	28.966.447.312

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 và Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	13.318.917.553	8.312.176.500
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.922.603.016	940.523.665
Nợ thuần	11.396.314.537	7.371.652.835
Vốn chủ sở hữu	27.539.769.296	24.995.517.880
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	41,38%	29,49%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.922.603.016	940.523.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.337.817.359	24.277.629.237
Đầu tư ngắn hạn	4.735.698.400	4.027.042.000
Đầu tư dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	52.026.118.775	29.275.194.902
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	13.318.917.553	8.312.176.500
Phải trả người bán và phải trả khác	17.479.637.329	3.767.497.735
Chi phí phải trả	1.096.516.976	241.679.267
Cộng	31.895.071.858	12.321.353.502

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	1.922.603.016	-	1.922.603.016
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.337.817.359	-	45.337.817.359
Đầu tư ngắn hạn	4.735.698.400	-	4.735.698.400
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	51.996.118.775	30.000.000	52.026.118.775
31/12/2015			
Các khoản vay	13.318.917.553	-	13.318.917.553
Phải trả người bán và phải trả khác	17.479.637.329	-	17.479.637.329
Chi phí phải trả	1.096.516.976	-	1.096.516.976
Cộng	31.895.071.858	-	31.895.071.858
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.101.046.917	30.000.000	20.131.046.917
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền	940.523.665	-	940.523.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.277.629.237	-	24.277.629.237
Đầu tư ngắn hạn	4.027.042.000	-	4.027.042.000
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	29.245.194.902	30.000.000	29.275.194.902
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.767.497.735	-	3.767.497.735
Chi phí phải trả	241.679.267	-	241.679.267
Các khoản vay	7.612.176.500	700.000.000	8.312.176.500
Cộng	11.621.353.502	700.000.000	12.321.353.502
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.623.841.400	(670.000.000)	16.953.841.400

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bán hàng	83.220.415.720	27.981.048.141
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	83.220.415.720	27.981.048.141

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	41.251.751.268	19.028.826.154
Trong đó:		
- Phải thu về xây lắp	41.251.751.268	18.854.870.154
- Phải thu khác		173.956.000
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	382.708.949	379.092.949
Các khoản người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	70.000.000	429.560.009

Thu nhập Ban Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương	734.627.768	560.342.000
Cộng	734.627.768	560.342.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

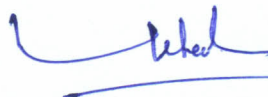
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét. Một số chỉ tiêu tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Bảng cân đối kế toán được phân loại và điều chỉnh cho phù hợp với thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	31/12/2014 (số kiểm toán)		Thay đổi	Số liệu trình bày lại tại 01/01/2015	
	Mã	Số tiền		Số tiền	Mã số
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	25.640.303.015	2.355.835.684	130	27.996.138.699
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.657.146.246	2.171.738.621	136	3.828.884.867
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	184.097.063	139	184.097.063
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.355.835.684	(2.355.835.684)	150	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	2.355.835.684	(2.355.835.684)	155	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	-	-	270	-

NGUỒN VỐN	31/12/2014 (số kiểm toán)		Thay đổi	Số liệu trình bày lại tại 01/01/2015	
	Mã	Số tiền		Số tiền	Mã
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	-	-	400	-
I. Vốn chủ sở hữu	410	24.995.517.880	-	410	24.995.517.880
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	475.357.950	209.548.341	418	684.906.291
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	209.548.341	(209.548.341)		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	-	-	440	-



Hoàng Đình Khánh
Người lập biểu
Ngày 03 tháng 03 năm 2016



Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Đậu Thảo
Giám đốc